



yuè guāng

月光

Noun · moonlight

Example Sentences

yuè guāng xià shù de yǐng zi hěn cháng

月光下树的影子很长。

The tree's shadow is very long in the moonlight.

yuè guāng jìng jìng dì sǎ zài hú miàn shàng

月光静静地洒在湖面上。

Moonlight quietly spills onto the surface of the lake.

dēng guāng yǔ yuè guāng xiāng hù huī yǐng

灯光与月光相互辉映。

The lamplight and moonlight reflect each other.

Trace each character, then write the word on your own.

月月月月月月月

光光光光光光光光光